

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 10 - 2021

“V/v: *Ly hôn và
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hồ Tùng Mận

- Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 984/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2020, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đặng Ánh M – sinh năm 1990 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: NTB, xã HT, thành phố B, Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Đặng Quang D – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: NTĐ, phường TN, thành phố B, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Ánh M trình bày:**

Trong quá trình tìm hiểu và yêu thương vợ chồng tôi đi đến sống chung và đăng ký kết hôn từ tháng 3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố B, Đắk Lắk, đến tháng 6/2019 cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh chấp cãi vã dẫn đến không thể hòa giải và chúng tôi đã không sống chung từ đó đến nay.

Chúng tôi có 01 con chung là cháu Đặng Tú U, sinh năm 2019 hiện đang do tôi nuôi dưỡng. Hiện nay tôi đang làm kế toán tại công ty DL với mức lương trung bình 7.000.000 đồng/tháng,

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn, về con chung tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đặng Quang D không tham gia tố tụng tại Tòa án

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Bà Đặng Ánh M và ông Đặng Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 18/3/2019, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà M nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông D và đề nghị được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Ánh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng Quang D, có địa chỉ tại thành phố B, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đặng Quang D tuy nhiên ông D vắng mặt, bà Đặng Ánh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D, bà M theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Ánh M và ông Đặng Quang D tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban

nhân dân phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 18/3/2019), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, bà M xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà M, ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà M yêu cầu ly hôn với ông D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Đặng Ánh M và ông Đặng Quang D có 01 con chung là cháu Đặng Tú U – sinh ngày 09/4/2019. Hiện nay đang được bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu U, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu U cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Đặng Quang D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Ánh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đặng Ánh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn và nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Ánh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Ánh M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Ánh M được ly hôn với ông Đặng Quang D.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Tú U – sinh ngày 09/4/2019 cho bà Đặng Ánh M nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Đặng Quang D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Ánh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013600 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND phường TN;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự